SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG ĐỒNG NAI

Số: 732/TM-BVNĐĐN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 18tháng 11 năm 2026

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 của Chính phủ;

Căn cứ tờ trình số 170/TTr-P.TBYT ngày 16/11/2026 về việc đề nghị phê duyệt Danh mục mua sắm hóa chất phục vụ cho công tác chuyên môn trong thời gian chờ kết quả đấu thầu rộng rãi của Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai năm 2026-2027(lần 02).

Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, làm cơ sở xây dựng giá gói thầu mua sắm hóa chất, thuốc thử, chất hiệu chuẩn, vật liệu kiểm soát xét nghiệm in vitro, cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai.

2. Tên dự toán: Mua sắm hóa chất, thuốc thử, chất hiệu chuẩn in vitro năm 2026 (lần 02); thời gian thực hiện 03 tháng.

3. Hình thức tiếp nhận báo giá: online (qua wesbsite muasamcong.mpi.gov.vn)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày đăng tải đến ngày 28 tháng 11 năm 2026.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày hết hạn tiếp nhận báo giá.

6. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ tên: Hồ Thị Thơm
- Chức vụ: Nhân viên
- Số điện thoại: 0919025480
- Địa chỉ: Phòng Thiết bị y tế , Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai, quốc lộ 1A, phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai.
- Email: tbytnhidongnai1995@gmail.com.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục hàng hóa yêu cầu báo giá: gồm 123 mặt hàng *(chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)*.

2. Yêu cầu về báo giá:

- Báo giá theo mẫu trên hệ thống.

- Đơn giá chào bằng đồng Việt Nam, đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có), chi phí vận chuyển, giao hàng tại kho của Bệnh viện và các chi phí khác có liên quan.

- Ghi rõ tên thương mại, ký mã hiệu, hãng sản xuất, nước sản xuất, quy cách đóng gói, thông số kỹ thuật của hàng hóa chào và số lưu hành/số đăng ký/số phân loại theo quy định. Trường hợp quy cách đóng gói khác đơn vị tính trong danh mục, đơn vị quy đổi đơn giá theo đơn vị tính của danh mục.

- Đối với hàng hóa sử dụng trên hệ thống máy hiện có của Bệnh viện: hàng hóa chào phải tương thích, vận hành ổn định trên hệ thống máy hiện có mà không cần thay đổi phần cứng, phần mềm của máy.

3. Tài liệu gửi kèm báo giá:

- Báo giá theo mẫu tại Phụ lục II (gồm 01 file pdf đã đóng mộc và 01 file mềm) kèm theo. Đơn vị được báo giá một phần hoặc toàn bộ danh mục; ghi đúng số thứ tự, tên hàng hóa theo danh mục yêu cầu.

- Catalogue, tài liệu kỹ thuật hoặc hướng dẫn sử dụng thể hiện thông số kỹ thuật của hàng hóa chào;

- Tài liệu chứng minh số lưu hành/số đăng ký/số phân loại của hàng hóa theo quy định;

- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự còn hiệu lực (nếu có).

Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai kính mời các đơn vị quan tâm gửi báo giá theo nội dung trên./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
- Website Bệnh viện;
- Lưu: VT, TBYT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG ĐỒNG NAI

Lê Anh Phong

PHỤ LỤC I
DANH MỤC HÀNG HÓA YÊU CẦU BÁO GIÁ

(Kèm theo Thư mời chào giá số 732/TM-BVNĐĐN ngày 18 tháng 11 năm 2026 của Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai)

STT	Tên hàng hóa	Thông số, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
Máy tổng phân tích tế bào máu 1					
1	Hóa chất chứng cho xét nghiệm huyết học không bao gồm hồng cầu lưới (mức cao)	- Hóa chất dạng lỏng, sử dụng để kiểm chuẩn công thức máu mức cao, sử dụng trên máy huyết học tự động - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	ml	16	
2	Hóa chất chứng cho xét nghiệm huyết học không bao gồm hồng cầu lưới (mức thấp)	- Hóa chất dạng lỏng, sử dụng để kiểm chuẩn công thức máu mức thấp, sử dụng trên máy huyết học tự động -Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	ml	16	
3	Hóa chất chứng cho xét nghiệm huyết học không bao gồm hồng cầu lưới (mức bình thường)	- Hóa chất dạng lỏng, sử dụng để kiểm chuẩn công thức máu mức bình thường, sử dụng trên máy huyết học tự động -Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	ml	16	
4	Hóa chất pha sẵn dùng để rửa các đường ống, đường dẫn và các buồng đo	- Hóa chất rửa sạch toàn bộ hệ thống đường dẫn và các buồng đếm trên máy huyết học tự động - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	ml	9.720	
5	Hóa chất pha sẵn được dùng như dung dịch đệm pha loãng mẫu và cân bằng hệ thống	- Hóa chất tạo dòng chảy tế bào, tham gia vào quá trình phân tích hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu và hồng cầu lưới, rửa sạch các đường dẫn trong đến buồng đếm tế bào, cung cấp đường baseline cho quá trình Hemoglobin -Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	ml	140.000	
6	Hóa chất pha sẵn được dùng phối hợp với hóa chất định lượng cùng lúc các chỉ số huyết học HGB, RBC/PLT, BASO trong máu	- Hóa chất tạo dòng chảy tế bào bạch cầu đi qua buồng đo -Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	ml	5.450	
7	Hoá chất pha sẵn sử dụng để định lượng cùng lúc các chỉ số huyết học HGB, RBC/PLT, BASO trong máu	- Hóa chất dùng cho phương pháp đếm tế bào trên hệ thống huyết học tự động -Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	ml	19.750	
Máy tổng phân tích tế bào máu 2					
8	Chất chuẩn huyết học mức 1	Vật liệu kiểm soát huyết học nhằm kiểm tra chất lượng nội bộ trên hệ thống máy xét nghiệm huyết học, tối thiểu gồm các thông số: WBC, RBC, HGB, HCT, PLT, NRBC#, AS-LYMP%, NEUT-RI, NEUT-GI, MicroR, MacroR (hoặc các thông số tương đương).	ml	9	
9	Chất chuẩn huyết học mức 2	Vật liệu kiểm soát huyết học nhằm kiểm tra chất lượng nội bộ trên hệ thống máy xét nghiệm huyết học, tối thiểu gồm các thông số: WBC, RBC, HGB, HCT, PLT, NRBC#, AS-LYMP%, NEUT-RI, NEUT-GI, MicroR, MacroR (hoặc các thông số tương đương).	ml	9	
10	Chất chuẩn huyết học mức 3	Vật liệu kiểm soát huyết học nhằm kiểm tra chất lượng nội bộ trên hệ thống máy xét nghiệm huyết học, tối thiểu gồm các thông số: WBC, RBC, HGB, HCT, PLT, NRBC#, AS-LYMP%, NEUT-RI, NEUT-GI, MicroR, MacroR (hoặc các thông số tương đương).	ml	9	

STT	Tên hàng hóa	Thông số, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
11	Dung dịch kiềm rửa máy huyết học	- Chất tẩy rửa có tính kiềm mạnh để loại bỏ các thuốc thử ly giải, dư lượng tế bào và các protein trong máu còn lại trong hệ thống thủy lực của máy xét ngiệm huyết học tự động, máy phết và nhuộm lam - Thành phần: Sodium Hypochloride.	ml	80	
12	Dung dịch ly giải dùng đếm bạch cầu ưa bazơ	- Ly giải các tế bào hồng cầu và phân loại nhóm các tế bào bạch cầu (không thuộc bạch cầu ái kiềm), bạch cầu ái kiềm và các tế bào hồng cầu nhân. - Thành phần: Organic quaternary ammonium salts; Nonionic surfactant	ml	10.000	
13	Dung dịch ly giải dùng đếm các bạch cầu trung tính, lympho, mono và ưa axit	Dung dịch ly giải cho máy xét nghiệm huyết học tự động. Sử dụng kết hợp để nhuộm tế bào có nhân trong mẫu giúp phân loại bạch cầu Thành phần: Organic quaternary ammonium salts; Nonionic surfactant	ml	35.000	
14	Dung dịch nhuộm dùng đếm bạch cầu ưa bazơ	-Được sử dụng để đánh dấu các tế bào có nhân trong các mẫu máu đã được pha loãng và ly giải để xác định số lượng bạch cầu, số lượng tế bào hồng cầu có nhân và số lượng bạch cầu ái kiềm trong máu bằng máy xét nghiệm huyết học tự động . Thành phần: Polymethine ; Ethylene Glycol	ml	164	
15	Dung dịch nhuộm dùng đếm các bạch cầu trung tính, lympho, mono và ưa axit	- Được sử dụng để đánh dấu các bạch cầu trong các mẫu máu đã được pha loãng và ly giải nhằm phân loại các thành phần bạch cầu bằng máy xét nghiệm huyết học tự động. - Thành phần: Polymethine; methanol; Ethylene Glycol	ml	336	
16	Dung dịch pha loãng dùng cho máy huyết học	-Dùng để đo lường số lượng và kích thước của hồng cầu và tiểu cầu bằng phương pháp tập trung dòng chảy thuỷ động học. - Thành phần: Sodium chloride; Tris buffer; EDTA-2K	ml	820.000	
17	Dung dịch đo hemoglobin	- Sử dụng để đo nồng độ hemoglobin trong máu - Thành phần: Sodium lauryl sulfate.	ml	9.000	
Máy xét nghiệm đông máu tự động đo từ					
18	Dung dịch khử nhiễm cho các dòng máy phân tích đông máu tự động.	- Hóa chất rửa kim hệ thống máy đông máu tự động. -Thành phần :dung dịch chứa KOH<1%	ml	1.080	
19	Hóa chất nội kiểm đông máu thường quy	- Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm đông máu thường quy 2 mức. - Giá trị chứng gồm hai mức (bình thường và bệnh lý) cho các thông số: PT, Fibrinogen, APTT, TT và AT.	ml	96	
20	Hóa chất xét nghiệm thời gian Thrombin	- Hóa chất xét nghiệm thời gian Thrombin trên máy đông máu tự động, phương pháp đo từ -Thành phần: chứa thrombin citrat canxi (người), dạng đông khô.	ml	120	
21	Hóa chất xét nghiệm PT đã hiệu chuẩn sẵn	- Hóa chất xét nghiệm thời gian prothrombin (PT) trên máy đông máu tự động, phương pháp đo từ - Thành phần - R1: chứa Thromboplastin đông khô được chiết xuất từ não thỏ, chứa một chất ức chế Heparin đặc hiệu. - R2: dung môi hòa tan có chứa canxi.	ml	420	
Máy xét nghiệm định nhóm máu gelcard					
22	Thẻ gel định nhóm máu ABO/Rh bằng phương pháp huyết thanh mẫu	- Định nhóm máu ABO và Rh bằng phương pháp huyết thanh mẫu trên máy phân tích nhóm máu dùng thẻ gel ≥ 8 giếng. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Thẻ gel 4 giếng đầu có thành phần như sau: + Giếng 1: Anti-A (IgM) + Giếng 2: Anti B (IgM) + Giếng 3: Anti D (IgM) + Giếng 4: Chứng - Độ nhạy tối thiểu 99% và độ đặc hiệu 100%. - Chứng nhận chất lượng ISO 13485; CE hoặc FDA (hoặc tương đương)	Card	200	

STT	Tên hàng hóa	Thông số, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
23	Thẻ gel Coombs trực tiếp, thực hiện phản ứng hòa hợp nhóm máu ở 37 độ C	- Dùng cho test Coombs trực tiếp và gián tiếp, sàng lọc và định danh kháng thể bất thường, định nhóm chéo môi trường Coombs 37°C, - Thành phần: Thẻ gel. Thành phần chứa tối thiểu: môi trường AHG: coombs, kháng thể kháng globulin người. Hỗn hợp giữa kháng thể đa dòng IgG từ thỏ và kháng thể đơn dòng. - Tiêu chuẩn: ISO 13485; CE hoặc FDA (hoặc tương đương)	Card	100	
24	Thẻ gel định nhóm máu bằng phương pháp hồng cầu mẫu, thực hiện phản ứng hòa hợp nhóm máu ở 22 độ C	- Dùng cho định nhóm chéo, autocontrol, định nhóm ABO bằng phương pháp hồng cầu mẫu trên máy phân tích nhóm máu dùng thẻ gel ≥ 8 giếng - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Thẻ gel. Thành phần chứa môi trường nước muối và enzyme - Chứng nhận chất lượng ISO 13485; CE hoặc FDA (hoặc tương đương)	Card	50	
25	Hồng cầu mẫu	- Dùng cho định nhóm máu ABO bằng phương pháp hồng cầu mẫu trên máy phân tích nhóm máu dùng thẻ gel ≥ 8 giếng - Hồng cầu mẫu được sử dụng để xác định nhóm ABO chiều ngược trong kỹ thuật gel - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Bộ hồng cầu mẫu gồm 2 lọ A1 và B dùng cho định nhóm máu ABO bằng phương pháp hồng cầu mẫu - Độ nhạy và độ đặc hiệu: ≥ 99%.	bộ	3	
26	Bộ kit hồng cầu mẫu sàng lọc kháng thể bất thường	- Dùng trong xét nghiệm sàng lọc kháng thể bất thường bằng thẻ gel trên máy phân tích nhóm máu dùng thẻ gel ≥ 8 giếng - Thành phần: Bộ 3 lọ hồng cầu mẫu O - Chứng nhận chất lượng: ISO 13485; CE hoặc FDA (hoặc tương đương)	bộ	3	
Máy xét nghiệm sinh hóa 1					
27	Hóa chất hiệu chuẩn CRP	- Chất hiệu chuẩn CRP trên hệ thống máy sinh hóa với 6 mức nồng độ. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	ml	12	
28	Dung dịch làm sạch (dung dịch rửa đậm đặc mức 1)	- Dung dịch rửa có tính acid sử dụng để rửa cuvette phản ứng - Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	ml	150	
29	Dung dịch làm sạch có tính kiềm, dạng đậm đặc	- Dung dịch rửa có tính kiềm sử dụng rửa cuvette, hệ thống máy. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	ml	150	
30	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CRP trong huyết thanh, huyết tương.	- Thuốc thử xét nghiệm hàm lượng nồng độ C- reactive protein (CRP) trong huyết thanh hoặc huyết tương. - Phương pháp: Turbidimetric - Dải đo: Ngưỡng đo tới150 mg/L - Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	ml	1.280	
Máy xét nghiệm điện giải đồ					
31	Hóa chất kiểm chuẩn 3 mức	- Hóa chất kiểm soát chất lượng xét nghiệm ion đồ 3 mức nồng độ. - Thành phần: Dung dịch muối, chất đệm, albumin bò và chất bảo quản và không chứa huyết thanh người - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE hoặc FDA (hoặc tương đương)	ml	90	
32	Hóa chất máy điện giải	- Hóa chất điện giải dùng đo nồng độ Na/K/Cl/Ca/Li trong mẫu huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần và nước tiểu. gồm standard A và Standard B - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE hoặc FDA (hoặc tương đương)	ml	2.400	

STT	Tên hàng hóa	Thông số, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
33	Dung dịch rửa	- Dung dịch rửa hằng ngày loại bỏ protein có trong điện cực, ống dẫn mẫu, dây bơm. - Thành phần: Dung dịch HCl, NH5F2 và muối, lọ pepsin dạng bột - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE hoặc FDA (hoặc tương đương)	ml	270	
Máy xét nghiệm miễn dịch Access 2					
34	IVD là giếng phản ứng dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	- Giếng phản ứng sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Chất liệu Polypropylene, dung tích tối đa 1 mL. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương - Sử dụng trên hệ thống máy miễn dịch Access 2 (hoặc tương đương) Nội hàm tương đương: cùng phương pháp xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang, cùng dải đo, cùng khả năng lắp đặt và vận hành ổn định trên hệ thống máy hiện có mà không cần thay đổi phần cứng/phần mềm của máy, không quy định tương đương về xuất xứ.	cái	4.704	
35	IVD kích hoạt phản ứng hóa phát quang trong xét nghiệm miễn dịch	- Dung dịch kích hoạt phản ứng hóa phát quang trong xét nghiệm miễn dịch - Thành phần chính: dung dịch đệm chứa cơ chất hóa phát quang dioxetane, chất huỳnh quang và chất hoạt tính bề mặt (hoặc tương đương). - Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương - Sử dụng trên hệ thống máy miễn dịch Access 2 (hoặc tương đương) Nội hàm tương đương: cùng phương pháp xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang, cùng dải đo, cùng khả năng lắp đặt và vận hành ổn định trên hệ thống máy hiện có mà không cần thay đổi phần cứng/phần mềm của máy, không quy định tương đương về xuất xứ.	ml	1.040	
36	IVD đệm dùng cho xét nghiệm miễn dịch	- Dung dịch đệm dùng cho xét nghiệm miễn dịch. - Thành phần chính: Dung dịch muối đệm TRIS, chất hoạt tính bề mặt, natri azit, khối lượng phản ứng: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one và 2-methyl-4-isothiazolin-3-one (3:1). - Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương - Sử dụng trên hệ thống máy miễn dịch Access 2 (hoặc tương đương) Nội hàm tương đương: cùng phương pháp xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang, cùng dải đo, cùng khả năng lắp đặt và vận hành ổn định trên hệ thống máy hiện có mà không cần thay đổi phần cứng/phần mềm của máy, không quy định tương đương về xuất xứ.	ml	50.000	
37	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ferritin	- Thuốc thử sử dụng định lượng Feritin trong huyết thanh, huyết tương người trên máy miễn dịch tự động. - Phương pháp: Miễn dịch hóa phát quang - Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ phức hợp kháng thể dê kháng IgG của chuột - kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng ferritin được phân tán trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt động bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), natri azid, chất bảo quản nhóm isothiazolinone, chất cộng hợp kháng thể dê kháng ferritin - phosphatase kiềm (bò) trong dung dịch muối đệm TRIS, protein (dê, chuột). - Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương - Sử dụng trên hệ thống máy miễn dịch Access 2 (hoặc tương đương) Nội hàm tương đương: cùng phương pháp xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang, cùng dải đo, cùng khả năng lắp đặt và vận hành ổn định trên hệ thống máy hiện có mà không cần thay đổi phần cứng/phần mềm của máy, không quy định tương đương về xuất xứ.	test	600	

STT	Tên hàng hóa	Thông số, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
38	Dung dịch kiểm tra hệ thống dùng cho máy phân tích miễn dịch	- Dung dịch kiểm tra hệ thống dùng cho Hệ thống xét nghiệm miễn dịch - Thành phần chính: Phosphatase kiềm, albumin huyết thanh bò (BSA), chất bảo quản nhóm isothiazolinone, natri azit. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương - Sử dụng trên hệ thống máy miễn dịch Access 2 (hoặc tương đương) Nội hàm tương đương: cùng phương pháp xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang, cùng dải đo, cùng khả năng lắp đặt và vận hành ổn định trên hệ thống máy hiện có mà không cần thay đổi phần cứng/phần mềm của máy, không quy định tương đương về xuất xứ.	ml	8	
39	Thuốc thử xét nghiệm định lượng procalcitonin (PCT)	- Thuốc thử xét nghiệm định lượng procalcitonin (PCT) trong huyết thanh và huyết tương người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Phương pháp: Miễn dịch hóa phát quang - Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ kháng thể đơn dòng (chuột) kháng procalcitonin người trong dung dịch đệm TRIS có chất hoạt động bề mặt, protein (bò), natri azid, chất bảo quản nhóm isothiazolinone, Natri Hydroxid, chất cộng hợp giữa phosphatase kiềm tái tổ hợp với kháng thể (chuột) kháng procalcitonin trong dung dịch đệm MOPS. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương - Sử dụng trên hệ thống máy miễn dịch Access 2 (hoặc tương đương) Nội hàm tương đương: cùng phương pháp xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang, cùng dải đo, cùng khả năng lắp đặt và vận hành ổn định trên hệ thống máy hiện có mà không cần thay đổi phần cứng/phần mềm của máy, không quy định tương đương về xuất xứ.	test	200	
40	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng procalcitonin (PCT)	- Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng procalcitonin (PCT) trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Thành phần: Bột đông khô chứa đệm HEPES, protein (bò), natri azit, chất bảo quản nhóm isothiazolinone, procalcitonin người tái tổ hợp với 7 mức nồng độ. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương - Sử dụng trên hệ thống máy miễn dịch Access 2 (hoặc tương đương) Nội hàm tương đương: cùng phương pháp xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang, cùng dải đo, cùng khả năng lắp đặt và vận hành ổn định trên hệ thống máy hiện có mà không cần thay đổi phần cứng/phần mềm của máy, không quy định tương đương về xuất xứ.	ml	14	
41	Vật liệu kiểm soát 3 mức nồng độ xét nghiệm định lượng tối thiểu 54 thông số miễn dịch, sinh hóa và thuốc điều trị	- Vật liệu kiểm soát tối thiểu 54 thông số xét nghiệm miễn dịch 3 mức nồng độ bao gồm chất các xét nghiệm miễn dịch thông thường - Thành phần: 100% huyết thanh người - Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương - Sử dụng trên hệ thống máy miễn dịch Access 2 (hoặc tương đương) Nội hàm tương đương: cùng phương pháp xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang, cùng dải đo, cùng khả năng lắp đặt và vận hành ổn định trên hệ thống máy hiện có mà không cần thay đổi phần cứng/phần mềm của máy, không quy định tương đương về xuất xứ.	ml	30	

STT	Tên hàng hóa	Thông số, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
42	Thuốc thử xét nghiệm định lượng TSH	-Thuốc thử xét nghiệm định lượng TSH trong huyết tương hoặc huyết thanh người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Phương pháp: Miễn dịch hóa phát quamg - Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng TSH người, muối đệm TRIS, chất hoạt động bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), natri azide, chất bảo quản nhóm isothiazolinone, kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng TSH cộng hợp với phosphatase kiềm, muối đệm ACES, protein (chuột). - Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương - Sử dụng trên hệ thống máy miễn dịch Access 2 (hoặc tương đương) Nội hàm tương đương: cùng phương pháp xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang, cùng dải đo, cùng khả năng lắp đặt và vận hành ổn định trên hệ thống máy hiện có mà không cần thay đổi phần cứng/phần mềm của máy, không quy định tương đương về xuất xứ.	test	400	
43	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng TSH	- Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng TSH trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Thành phần: Chất nền albumin huyết thanh bò (BSA) đệm có chất hoạt động bề mặt, natri azit, chất bảo quản nhóm isothiazolinone. Gồm 6 mức nồng độ - Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương - Sử dụng trên hệ thống máy miễn dịch Access 2 (hoặc tương đương) Nội hàm tương đương: cùng phương pháp xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang, cùng dải đo, cùng khả năng lắp đặt và vận hành ổn định trên hệ thống máy hiện có mà không cần thay đổi phần cứng/phần mềm của máy, không quy định tương đương về xuất xứ.	ml	15	
44	Thuốc thử xét nghiệm định lượng T3 tự do	- Thuốc thử xét nghiệm định lượng T3 tự do trong huyết thanh và huyết tương người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động - Phương pháp: Miễn dịch hóa phát quang - Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ streptavidin trong dung dịch đệm TRIS có protein (chim), chất hoạt động bề mặt, NaN3, chất bảo quản nhóm isothiazolinone, dung dịch đệm MES, chất tương tự T3 gắn biotin, protein (dê, bò, chim), chất cộng hợp kháng thể đơn dòng-phosphatase kiềm trong dung dịch ACES. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương - Sử dụng trên hệ thống máy miễn dịch Access 2 (hoặc tương đương) Nội hàm tương đương: cùng phương pháp xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang, cùng dải đo, cùng khả năng lắp đặt và vận hành ổn định trên hệ thống máy hiện có mà không cần thay đổi phần cứng/phần mềm của máy, không quy định tương đương về xuất xứ.	test	300	
45	Thuốc thử xét nghiệm định lượng T4 tự do	- Thuốc thử xét nghiệm định lượng T4 tự do trong huyết thanh và huyết tương người (heparin) trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động. - Phương pháp: Miễn dịch hóa phát quang - Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ streptavidin, muối đệm TRIS, chất hoạt động bề mặt, NaN3, chất bảo quản nhóm isothiazolinone, chất cộng hợp phosphatase kiềm (bò) – Triiodothyronin, kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng Thyroxin – T4 gắn biotin, protein (chim và chuột). - Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương - Sử dụng trên hệ thống máy miễn dịch Access 2 (hoặc tương đương) Nội hàm tương đương: cùng phương pháp xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang, cùng dải đo, cùng khả năng lắp đặt và vận hành ổn định trên hệ thống máy hiện có mà không cần thay đổi phần cứng/phần mềm của máy, không quy định tương đương về xuất xứ.	test	500	

STT	Tên hàng hóa	Thông số, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
Máy xét nghiệm sinh hóa 2					
46	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng 25 thông số hóa sinh	- Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hoá thường quy - Thành phần: Huyết thanh người, các enzym từ người, động vật và thực vật - Đáp ứng trên 20 thông số sinh hóa thường quy. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	ml	20	
47	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích sinh hóa	- Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa - Thành phần: Sodium Hydroxide, chất hoạt động bề mặt không ion, Sulfonic acids, C14-17-sec-alkane, muối natri. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	ml	10.000	
48	Thuốc thử xét nghiệm định lượng AST	- Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng AST trong huyết thanh và huyết tương. - Thành phần: Tris buffer, L-aspartate , 2-Oxoglutarate, LDH , MDH, NADH. - Phương pháp: Dựa trên khuyến cáo của IFCC - Dải đo: 3 – 1000 U/L (0,05 – 16,7 µkat/L) - Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	ml	100	
49	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Creatinin	- Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng creatinine trong huyêt thanh, huyết tương, nước tiêu. - Thành phần: Natri hiđroxit, Axit picric. - Phương pháp: Jaffé - Dải đo: Huyết thanh/ huyết tương: 5 – 2200 µmol/L (0,06 – 25,0 mg/dL), Nước tiểu: 88 – 35360 µmol/L (1 – 400 mg/dL). - Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	ml	306	
50	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Magiê	- Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng magiê trong huyết thanh, huyết tương, nước tiểu. - Thành phần: Acid ∈-Amino-n Caproic, Tris , Acid Glycoletherdiamine-N,N,N',N' tetraacetic, Xanh Xylidyl. - Phương pháp: Xanh Xylidyl - Dải đo: Huyết thanh, huyết tương: 0,2–3,3 mmol/L (0,5–8,0 mg/dL), Nước tiểu 0,2 - 7,8 mmol/L (0,5 - 18,9 mg/dL) -Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	ml	120	
51	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Fe (Sắt)	- Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng sắt trong huyết thanh và huyết tương. - Thành phần: Đệm glycin, L-ascorbic acid , 2,4,6-Tri(2-pyridyl)-5-triazine. - Phương pháp: TPTZ - Dải đo: 2 – 179 µmol/L (10 – 1000 µg/dL) - Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	ml	60	
52	Thuốc thử xét nghiệm định lượng triglyceride	- Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng triglyceride trong huyết thanh, huyết tương. - Thành phần: Đệm PIPES, Mg2+, MADB, 4-Aminoantipyrine, ATP , Lipases, Glycerol kinase, Peroxidase, Ascorbate oxidase, Glycerol-3-phosphate oxidase. - Phương pháp: Enzym - Dải đo: 0,1 – 11,3 mmol/L (10 – 1000 mg/dL) - Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	ml	62,5	
53	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ure	- Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng urê trong huyết thanh, huyết tương, nước tiểu. - Thành phần: Đệm Tris, NADH , Tetra Natri diphosphat, EDTA , 2-Oxoglutarat, Urease, ADP, GLDH . - Phương pháp: GLDH, đo UV động học - Dải đo: Huyết thanh, huyết tương: 5–300 mg/dL (0,8–50,0 mmol/L), Nước tiểu: 60–4500 mg/dL (10-750 mmol/L) - Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	ml	212	

STT	Tên hàng hóa	Thông số, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
54	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng α-amylase	- Hóa chất định lương α-Amylase trong huyết thanh, huyết tương, nước tiểu. - Thành phần: MES, Calcium acetate, NaCl, Potassium thiocyanate, CNPG3, Chất bảo quản - phương pháp CNPG3 - Dải đo: Huyết thanh/ huyết tương: 10 – 2000 U/L (0,2 – 33,3 µkat/L), Nước tiểu: 5 – 4800 U/L (0,1 – 80 µkat/L) - Tiêu chuẩn: ISO; 13485 hoặc tương đương	ml	80	
55	Thuốc thử xét nghiệm định lượng vancomycin	- Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng vancomycin trong huyết thanh, huyết tương. - Thành phần: Thuốc thử 1 - Enzym: Vancomycin đánh dấu bởi G6PDH vi khuẩn, chất đệm HEPES, Albumin huyết thanh bò, Thuốc thử 2 - Kháng thể/cơ chất: Kháng thể chuột đơn dòng với vancomycin, Albumin huyết thanh bò, G6P , NAD. - Phương pháp: Miễn dịch enzyme đồng nhất - Dải đo: 2,0–50 µg/mL (1,3–34 µmol/L) - Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	ml	48	
56	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng vancomycin	- Chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm Vancomycin. - Thành phần: vancomycin, dung dịch đệm, natri azit. gồm 6 mức nồng độ -Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	ml	15	
57	Thuốc thử định lượng CRP	- Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng CRP; Thành phần: Tris buffer (pH 7,5) 80 mmol/L; Sodium chloride 125 mmol/L; Polyethylene glycol 6000 1,5% w/v; Kháng thể dê kháng CRP ≈ 0,6 g/L; Phương pháp: Miễn dịch đo độ đục; Dải tuyến tính: 5 – 300 mg/L.	ml	960	
58	Thuốc thử xét nghiệm định lượng amoniac	- Thuốc thử định lượng amoniac trong huyết tương. - Thành phần: Thuốc thử A1 chứa Natri tetraborat, chất bảo quản. Thuốc thử A2 chứa Natri tetraborat, NADPH, Thuốc thử B chứa Hepes, 2-oxoglutarat, glutamat dehydrogenase, chất bảo quản. - Phương pháp: Quang phổ, Glutamate Dehydrogenase - Dải đo: 600 µmol/L (1022 µg/dL) - Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	ml	27	
59	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng amoniac, ethanol, CO2	- Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng amoniac, ethanol - Thành phần: Dung dịch đệm chứa amoniac, ethanol, natri hydrocarbonat - ISO: 13485 hoặc tương đương	ml	15	
60	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng amoniac, ethanol, CO2	- Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng amoniac, ethanol - Thành phần: Dung dịch đệm chứa amoniac, ethanol, natri hydrocarbonat - Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	ml	15	
61	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng amoniac, ethanol, CO2	- Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng amoniac, ethanol - Thành phần: Dung dịch đệm, chứa amoniac, ethanol, natri hydrocarbonat - Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	ml	10	
62	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng HbA1c	- Hóa chất kiểm soát chất lượng cho xét nghiệm HbA1c 2 mức độ. - Thành phần: máu người chứa huyết sắc tố bình thường. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	ml	4	
63	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Zn (Kẽm)	- Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Zn (Kẽm) - Thành phần: Chứa chất chuẩn kẽm -Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	ml	3	

STT	Tên hàng hóa	Thông số, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
64	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Zn (Kẽm)	- Thuốc thử định lượng Zn (Kẽm) trong huyết thanh, huyết tương - Thành phần: Đệm bicarbonat, 5-Br-PAPS, Natri citrat, Dimethylglyoxim, chất tẩy rửa. - Phương pháp: 5-Br-PAPS - Dải đo: 2,9 - 500 µg/dL (0,444 - 76,5 µmol/L) -Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	ml	125	
65	Vật liệu kiểm soát mức bình thường xét nghiệm định lượng 38 thông số sinh hóa	- Vật liệu kiểm soát chất lượng định lượng các thông số sinh hóa mức bình thường. - Đáp ứng >35 thông số - Thành phần: Huyết thanh người - Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	ml	10	
66	Vật liệu kiểm soát mức bất thường xét nghiệm định lượng 38 thông số sinh hóa	-Vật liệu kiểm soát chất lượng định lượng các thông số sinh hóa mức bất thường. - Đáp ứng >35 thông số - Thành phần: Huyết thanh người - Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	ml	10	
Máy xét nghiệm khí máu					
67	Hóa chất chạy mẫu sử dụng cho máy khí máu	- Cung cấp điểm hiệu chuẩn cho hiệu chuẩn pH, điện giải và hematocrit. - Cung cấp điểm dốc cho hiệu chuẩn pH và điện giải 2 điểm. - Thành phần: MOPS/Na MPOS, muối, chất hoạt động bề mặt, chất bảo quản -Tiêu chuẩn: ISO; 13485 hoặc tương đương	ml	1.840	
68	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm 15 thông số khí máu, điện giải, chất chuyển hóa, Cooximetry	- Hóa chất kiểm chuẩn mức 1 cho pH/ khí máu, điện giải, CO-OX và các chất chuyển hóa. - Đảm bảo các thông số khí máu yêu cầu -Tiêu chuẩn: ISO; 13485 hoặc tương đương	ml	50	
69	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm 15 thông số khí máu, điện giải, chất chuyển hóa, Cooximetry	- Hóa chất kiểm chuẩn mức 2 cho pH/ khí máu, điện giải, CO-OX và các chất chuyển hóa. - Đảm bảo các thông số khí máu yêu cầu -Tiêu chuẩn: ISO; 13485 hoặc tương đương	ml	50	
70	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm 15 thông số khí máu, điện giải, chất chuyển hóa, Cooximetry	- Hóa chất kiểm chuẩn mức 3 cho pH/ khí máu, điện giải, CO-OX và các chất chuyển hóa. - Đảm bảo các thông số khí máu yêu cầu -Tiêu chuẩn: ISO; 13485 hoặc tương đương	ml	50	
71	Hóa chất rửa sử dụng cho máy khí máu	- Dung dịch rửa đầu dò và đường dẫn mẫu. - Thành phần hóa chất rửa bao gồm muối, chất hoạt đồng bề mặt, chất bảo quản. - Tiêu chuẩn: ISO; 13485 hoặc tương đương	ml	1.800	
Máy xét nghiệm tổng phân tích nước tiểu					
72	Que thử nước tiểu 11 thông số, đọc kết quả trên máy bán tự động đơn lẻ	- Que thử nước tiểu cho máy phân tích nước tiểu tự động. - Đảm bảo các thông số yêu cầu: Blood, Glucose, Bilirubin,Keton, SG, Leukocyte, Nirtrit, PH, Protein, Urobilinogen, Acid Ascorbic. - Tiêu chuẩn: ISO; 13485 hoặc tương đương	que	500	
Máy định danh và kháng sinh đồ tự động					
73	Ống nhựa để pha loãng huyền dịch vi khuẩn	- Ống nhựa Plastic để pha loãng mẫu xét nghiệm và chuyển vào hệ thống định danh kháng sinh đồ Kích thước: 12x75mm, đáy tròn, không màu, không nắp - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001; CE hoặc FDA (hoặc tương đương).	Hộp	200	
74	Dung dịch pha mẫu NaCl nồng độ 0.45%	- Thành phần: 0.45 % Sodium Chloride" - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001 hoặc ISO 13485; CE hoặc FDA (hoặc tương đương).	ml	2.000	

STT	Tên hàng hóa	Thông số, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
75	Thẻ định danh, nhóm trực khuẩn gram âm	- Thẻ định danh vi khuẩn Gram âm được sử dụng để định danh các trực khuẩn Gram âm lên men và không lên men - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001 hoặc ISO 13485; CE hoặc FDA (hoặc tương đương).	Test	160	
76	Thẻ kháng sinh đồ, nhóm trực khuẩn gram âm	- Thẻ kháng sinh đồ Gram âm sử dụng để thực hiện xác định nồng độ nhạy cảm với kháng sinh của nhóm trực khuẩn gram âm hiếu khí với các loại kháng sinh thông thường như: Amoxicillin/ Clavulanic, Amikacin, Cefazolin, Nitrofurantoin, Cefepime,… - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001 hoặc ISO 13485; CE hoặc FDA (hoặc tương đương).	Test	120	
77	Thẻ kháng sinh đồ, nhóm liên cầu	- Thẻ kháng sinh đồ nhóm liên cầu để thực hiện xác định nồng độ nhạy cảm với kháng sinh của nhóm liên cầu (Streptococcus spp). - Thẻ chứa các giếng phản ứng hóa học tương ứng với nhóm kháng sinh dành cho Streptococcus spp như Ampicillin, Benzylpenicillin, Cefotaxime, Ceftriaxone, Chloramphenicol , Clindamycin, Erythromycin, Gentamicin,…" - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001 hoặc ISO 13485; CE hoặc FDA (hoặc tương đương).	Test	20	
78	Thẻ định danh, nhóm vi nấm	- Thẻ chứa các giếng hóa chất phản ứng có thể định danh được nhiều loại vi nấm gây bệnh thường gặp (>50 loài)" - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001 hoặc ISO 13485; CE hoặc FDA (hoặc tương đương).	Test	20	
79	Thẻ định danh, nhóm vi khuẩn gram dương	- Thẻ chứa các giếng hóa chất phản ứng có thể định danh được nhiều loại vi khuẩn gram dương. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001 hoặc ISO 13485; CE hoặc FDA (hoặc tương đương).	Test	20	
80	Thẻ kháng nấm đồ, nhóm vi nấm	- Thẻ chứa các giếng hóa chất/kháng sinh có thể xác định độ nhạy cảm của vi nấm đối với các loại thuốc kháng nấm cơ bản như: Amphotericin B, Caspofungin, Micafungin, Fluconazole, Flucytosine…" - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001 hoặc ISO 13485; CE hoặc FDA (hoặc tương đương).	Test	20	
Máy định danh và kháng sinh đồ tự động (BD Phoenix™)					
81	Canh trường định danh	- Sử dụng trên hệ thống vi sinh tự động BD Phoenix (hoặc tương đương)- Tiêu chuẩn chất lượng ISO; CE hoặc FDA (hoặc tương đương) Nội hàm tương đương: cùng phương pháp định danh và làm kháng sinh đồ tự động, cùng khả năng lắp đặt và cho kết quả tương thích trên hệ thống máy hiện có của Bệnh viện, không quy định tương đương về xuất xứ.	Ống	300	
82	Canh trường kháng sinh đồ	- Sử dụng trên hệ thống vi sinh tự động BD Phoenix (hoặc tương đương)- Tiêu chuẩn chất lượng ISO; CE hoặc FDA (hoặc tương đương) Nội hàm tương đương: cùng phương pháp định danh và làm kháng sinh đồ tự động, cùng khả năng lắp đặt và cho kết quả tương thích trên hệ thống máy hiện có của Bệnh viện, không quy định tương đương về xuất xứ.	Ống	400	

STT	Tên hàng hóa	Thông số, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
83	Chỉ thị kháng sinh đồ	- Sử dụng trên hệ thống vi sinh tự động BD Phoenix (hoặc tương đương)- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO; CE hoặc FDA (hoặc tương đương) Nội hàm tương đương: cùng phương pháp định danh và làm kháng sinh đồ tự động, cùng khả năng lắp đặt và cho kết quả tương thích trên hệ thống máy hiện có của Bệnh viện, không quy định tương đương về xuất xứ.	Lọ	1	
84	Test kháng sinh đồ vi khuẩn gram dương	- Dùng để thử nghiệm độ nhạy cảm của hầu hết các loại vi khuẩn Gram dương hiếu khí và kỵ khí tùy nghi. - Sử dụng trên hệ thống vi sinh tự động BD Phoenix (hoặc tương đương)- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO; CE hoặc FDA (hoặc tương đương) Nội hàm tương đương: cùng phương pháp định danh và làm kháng sinh đồ tự động, cùng khả năng lắp đặt và cho kết quả tương thích trên hệ thống máy hiện có của Bệnh viện, không quy định tương đương về xuất xứ.	Test	50	
85	Test định danh vi khuẩn gram dương	- Dùng để định danh nhanh các loại vi khuẩn Gram dương hiếu khí và kỵ khí tùy nghi. - Sử dụng trên hệ thống vi sinh tự động BD Phoenix (hoặc tương đương)- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO; CE hoặc FDA (hoặc tương đương) Nội hàm tương đương: cùng phương pháp định danh và làm kháng sinh đồ tự động, cùng khả năng lắp đặt và cho kết quả tương thích trên hệ thống máy hiện có của Bệnh viện, không quy định tương đương về xuất xứ.	Test	25	
86	Test định danh vi khuẩn gram âm	- Dùng để định danh nhanh các loại vi khuẩn Gram âm hiếu khí và kỵ khí tùy nghi. - Sử dụng trên hệ thống vi sinh tự động BD Phoenix (hoặc tương đương)- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO; CE hoặc FDA (hoặc tương đương) Nội hàm tương đương: cùng phương pháp định danh và làm kháng sinh đồ tự động, cùng khả năng lắp đặt và cho kết quả tương thích trên hệ thống máy hiện có của Bệnh viện, không quy định tương đương về xuất xứ.	Test	25	
87	Test kháng sinh đồ vi khuẩn gram âm	- Dùng để thử nghiệm độ nhạy cảm của hầu hết các loại vi khuẩn Gram âm hiếu khí và kỵ khí tùy nghi. - Phát hiện các vi khuẩn sinh men carbapenemase (CPO) - Sử dụng trên hệ thống vi sinh tự động BD Phoenix (hoặc tương đương)- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO; CE hoặc FDA (hoặc tương đương) Nội hàm tương đương: cùng phương pháp định danh và làm kháng sinh đồ tự động, cùng khả năng lắp đặt và cho kết quả tương thích trên hệ thống máy hiện có của Bệnh viện, không quy định tương đương về xuất xứ.	Test	75	
Máy cấy máu tự động (BD Bactec FX40, Bactec 9050)					
88	Chai cấy máu nhi	-Sử dụng trong quy trình nuôi cấy và phục hồi vi sinh vật hiếu khí từ mẫu máu bệnh nhi và các mẫu máu khác có thể tích dưới 3mL. - Chai có một cảm biến hoá học được theo dõi bởi máy cấy máu để phát hiện sự gia tăng của huỳnh quang. - Sử dụng trên máy cấy máu tự động BD Bactec FX 40 (hoặc tương đương) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO; CE hoặc FDA (hoặc tương đương) Nội hàm tương đương: cùng nguyên lý phát hiện vi sinh vật trong máu (đo màu hoặc cảm biến huỳnh quang), cùng khả năng lắp đặt và vận hành ổn định trên hệ thống máy hiện có, không quy định tương đương về xuất xứ.	Chai	300	

STT	Tên hàng hóa	Thông số, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
B. Hóa chất không theo máy					
89	Thẻ định nhóm máu đầu giường ABO gắn sẵn huyết thanh mẫu	- Ô anti A chứa dung dịch đệm photphat và kháng thể đơn dòng Anti A IgM dòng Birma-1 (Hiệu giá ≥ 1:32); Ô anti B chứa dung dịch đệm photphat và kháng thể đơn dòng Anti B IgM dòng LB-2 (Hiệu giá ≥ 1:32); Ô control có chứa dung dịch đệm photphat. - Thiết kế 2 test nằm ngang cạnh nhau, thuận tiện khi viết thông tin - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO; CE hoặc FDA (hoặc tương đương)	thẻ	600	
90	Anti-D (IgG+IgM monocl.)	Định tính phát hiện type Rho (D) trong mẫu máu người. Là dạng thuốc thử có sẵn sử dụng, dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai với kháng thể sinh ra lymphocyte B thu được qua quá trình chuyển giao EBV và nhiều kháng thể đơn dòng thuộc họ miễn dịch IgM và IgG. Thuốc thử là hỗn hợp các kháng thể đơn dòng IgG và igG kháng nguyên D có đặc tính phù hợp với tính chất của thuốc thử. Thuốc thử có chứa chất bảo quản natri azide 0,1% hoặc tương đương - Dạng: lỏng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 , CFS hoặc tương đương	ml	70	
91	Anti - A Monoclonal	- Định tính phát hiện nhóm máu A trong mẫu máu người. Là dạng thuốc thử có sẵn sử dụng, dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai, được tạo ra bằng cách hợp nhất tế bào lympho B sinh kháng thể của chuột với các tế bào u tủy chuột. Các kháng thể thuộc lớp miễn dịch IgM. Thuốc thử có chứa chất bảo quản natri azide 0,1% hoặc tương đương - Dạng: lỏng, màu xanh - Độ nhạy : 100 %; - Độ đặc hiệu: 100 %; - Độ chính xác 100% - Đạt chuẩn ISO 13485, CFS hoặc tương đương	ml	160	
92	Anti - B Monoclonal	-Định tính phát hiện nhóm máu B trong mẫu máu người. Là dạng thuốc thử có sẵn sử dụng, dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai, được tạo ra bằng cách hợp nhất tế bào lympho B sinh kháng thể của chuột với các tế bào u tủy chuột. Các kháng thể thuộc lớp miễn dịch IgM. Thuốc thử có chứa chất bảo quản natri azide 0,1% hoặc tương đương - Dạng: lỏng. Quy cách: Lọ 10ml - Độ nhạy : 100 %; - Độ đặc hiệu: 100 %; - Độ chính xác 100% - Sản phẩm sau khi mở nắp lần đầu, ổn định trong 3 tháng khi được bảo quản ở nhiệt độ 2-8˚C - Đạt chuẩn ISO 13485,CFS hoặc tương đương "	ml	100	
93	Giemsa	- Thuốc nhuộm được chứa trong chai làm từ nhựa PP (Polypropylene) hoặc tương đương. - Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Giemsa (Nhuộm tế bào để khảo sát màu sắc tế bào)	ml	3.000	
94	Test nhanh phát hiện kháng nguyên NS1 của virus Dengue	- Test nhanh phát hiện kháng nguyên NS1 của Dengue virus trong huyết thanh, huyết tương người. - Độ nhạy >92% và độ đặc hiệu >98% so với RT-PCR. - Các mẫu bệnh phẩn huyết tán, nhiễm mỡ, mật và những mẫu có chứa các yếu tố dạng thấp không gây nhiễu cho sản phẩm.		1.000	
95	Hóa chất nội kiểm Protein đặc hiệu mức 1	- Hóa chất nội kiểm Protein đặc hiệu mức 1 - Thành phần 100% từ huyết thanh người - Đáp ứng từ 25 thông số trở lên. -Tiêu chuẩn: ISO; 13485 hoặc tương đương	ml	12	
96	Hóa chất nội kiểm Protein đặc hiệu mức 2	- Hóa chất nội kiểm Protein đặc hiệu mức 2 - Thành phần 100% từ huyết thanh người - Đáp ứng từ 25 thông số trở lên. -Tiêu chuẩn: ISO; 13485 hoặc tương đương	ml	12	

STT	Tên hàng hóa	Thông số, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
97	Hóa chất nội kiểm Protein đặc hiệu mức 3	- Hóa chất nội kiểm Protein đặc hiệu mức 3 - Thành phần 100% từ huyết thanh người - Đáp ứng từ 25 thông số trở lên. -Tiêu chuẩn: ISO; 13485 hoặc tương đương	ml	12	
98	Hóa chất cho chương trình ngoại kiểm sinh hóa tổng quát hằng tháng (mẫu ngoại kiểm sinh hóa)	- Hóa chất cho chương trình ngoại kiểm sinh hóa. - Thông số yêu cầu (hoặc tương đương): ACE Acid phosphatase, prostatic Acid phosphatase, total Adjusted Calcium Albumin ALP ALT (ALAT) Amylase, pancreatic Amylase, total AST Bicarbonate Bile acids Bilirubin, direct Bilirubin, total Calcium, ionised Calcium, total Chloride Cholinesterase UIBC Cholesterol CK, total (CPK) Copper Creatinine D-3-hydroxybutyrate EGFR Fructosamine Free T3 Free T4 Gamma GT GLDH Glucose HBDH HDL-Cholesterol Iron Lactate LD (LDH) LDL Cholesterol Lipase Lithium Magnesium NEFA Non-HDL Cholesterol Osmolality Phosphate, inorganic Potassium Protein, total PSA Sodium TIBC Total T3 Total T4 Triglycerides TSH Urea Uric acid Zinc - Tiêu chuẩn: ISO; 13485 hoặc tương đương	ml	30	
99	Hóa chất cho chương trình ngoại kiểm kiểm tra chất lượng xét nghiệm tổng phân tích nước tiểu	- Hóa chất cho chương trình ngoại kiểm kiểm tra chất lượng xét nghiệm tổng phân tích nước tiểu - Thành phần: Dạng lỏng, 100% nước tiểu người. - Thông số yêu cầu (hoặc tương đương): Albumin; Bilirubin; Blood; Creatinine; Galactose; Glucose; hCG; Ketones; Leucocytes; Nitrite; pH; Protein; Specific Gravity; Urobilinogen. - Tiêu chuẩn: ISO; 13485 hoặc tương đương	ml	36	
100	Hóa chất sử dụng cho chương trình ngoại kiểm khí máu	- Hóa chất sử dụng cho chương trình ngoại kiểm khí máu. - Thông số yêu cầu (hoặc tương đương): Bicarbonate; Ca++; Cl-; CO2(Total); Glucose; Lactate; K+; Na+; pCO2; pH; pO2. - Tiêu chuẩn: ISO; 13485 hoặc tương đương	ml	10,8	
101	Hóa chất cho chương trình ngoại kiểm kiểm tra chất lượng xét nghiệm miễn dịch chuyên biệt	- Hóa chất sử dụng cho chương trình ngoại kiểm miễn dịch chuyên biệt - Thành phần: thành phần 100% huyết thanh người - Thông số yêu cầu (hoặc tương đương): 1-25-OH-Vitamin D 25-OH-Vitamin D Anti-TG Anti-TPO C-peptide IGF-1 Insulin Osteocalcin Procalcitonin PTH -Tiêu chuẩn: ISO; 13485 hoặc tương đương	ml	12	
102	Hóa chất sử dụng cho chương trình ngoại kiểm miễn dịch	- Hóa chất sử dụng cho chương trình ngoại kiểm miễn dịch. - Thành phần: 100% huyết thanh người. - Thông số yêu cầu (hoặc tương đương): 1-25-OH-Vitamin D 17-OH-progesterone 25-OH-Vitamin D ACTH AFP Aldosterone Amikacin Androstenedione B-2-Microglobulin CA125 CA15-3 CA19-9 Carbamazepine CEA Cortisol C-peptide DHEA, Unconjugated DHEA-S Digoxin Ferritin Folate Free T3 Free T4 Free testosterone FSH Gentamicin GH hCG IgE Insulin LH Oestradiol Paracetamol Parathyroid Hormone Phenobarbital Phenytoin Progesterone Prolactin PSA PSA, Free Salicylate Sex Hormone Binding Globulin (SHBG) T3 T4 Testosterone Theophylline Thyroglobulin TSH Valproic acid Vancomycin Vitamin B12. -Tiêu chuẩn: ISO; 13485 hoặc tương đương	ml	30	
103	Hóa chất cho chương trình ngoại kiểm đông máu	- Hóa chất ngoại kiểm Đông máu đáp ứng 5 thông số Đông máu cơ bản trên hệ thống máy Đông máu. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: huyết tương người. - Mẫu dạng đông khô - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485	ml	6	

STT	Tên hàng hóa	Thông số, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
104	Hóa chất cho chương trình ngoại kiểm huyết học hằng tháng	-Hóa chất ngoại kiểm Huyết học đáp ứng 11 thông số công thức máu trên hệ thống máy huyết học. -Thành phần tối thiểu gồm có: máu toàn phần. Mẫu dạng lỏng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485	ml	6	
105	ASO latex kit	- Đặc tính, thông số kỹ thuật: Kiểm tra phát hiện kháng thể kháng streptolysin O trong mẫu huyết thanh bằng kỹ thuật ngưng kết latex - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	test	100	
106	RF LATEX	- Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Kiểm tra phát hiện kháng thể tự miễn trong mẫu huyết thanh bằng kỹ thuật ngưng kết latex. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	test	100	
107	Kligler Iron Agar	- Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Dùng để thực hiện thử nghiệm sinh hóa lên men glucose, lên men lactose, sinh hydrogen sulfide và sinh khí để định danh trực khuẩn Gram âm, dễ mọc. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	tube	40	
108	HTM (Haemophilus test medium)	- Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri 90mm. Môi trường thực hiện kháng sinh đồ theo phương pháp khuếch tán trên thạch, dành cho vi khuẩn Haemophilus influenza - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	đĩa	10	
109	Môi trường nuôi cấy - Mueller Hinton Agar Base + 5% Sheep Blood	- Thành phần: Beef extract; Acid hydrolysate of Casein; Starch; Agar; Nước cất; Máu cừu - Đặc tính, thông số kỹ thuật: Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri 90mm. Môi trường dùng cho kiểm tra sự nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn khó mọc - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO.	Đĩa	10	
110	Salmonella Shigella Agar (SS 90mm)	- Đặc tính, thông số kỹ thuật: Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri 90mm. Môi trường nuôi cấy chọn lọc phân biệt được dùng phân lập chọn lọc Salmonella, Shigella, phân biệt khả năng lên men lactose - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	đĩa	20	
111	Nước muối sinh lý vô trùng (NS 0.85%)	- Đặc tính, thông số kỹ thuật: Lọ thủy tinh có nắp vặn chặt chứa 3ml môi trường. Dùng để pha huyền dịch vi khuẩn dùng cho định danh và kháng sinh đồ. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	lọ	400	
112	COAGULASE TEST	- Đặc tính, thông số kỹ thuật: Dạng bột chứa trong lọ dùng thực hiện thử nghiệm coagulase bằng huyết tương thỏ đông khô để định danh Staphylococcus aureus - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Lọ	300	
113	Đĩa giấy Optochin (P)	- Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Thực hiện thử nghiệm phát hiện nhạy cảm Optochin - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	đĩa	160	
114	Đĩa giấy Bacitracin (A)	- Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Thực hiện thử nghiệm phát hiện nhạy cảm Bacitracin. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Đĩa	160	
115	Bộ nhuộm Gram	- Bộ gồm 4 loại dung dịch: Crystal Violet, Lugol, Alcohol và Safranine. Mỗi chai dung dịch tối thiểu 100mL	bộ	5	
116	Bộ định danh que giấy X/V/XV	- Hệ thống định danh Haemophilus dựa trên thử nghiệm xác định nhu cầu yếu tố X (hemin) và/hoặc V (NAD: Nicotin Adenine Dinucleotide). - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	bộ	2	

STT	Tên hàng hóa	Thông số, tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
117	Bộ định danh trực khuẩn gram âm bằng các thử nghiệm sinh hóa	- Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Bộ định danh trực khuẩn gram âm bằng các xét nghiệm sinh hóa là một hệ thống gồm 14 thử nghiệm sinh hoá dùng để định danh trực khuẩn Gram âm, dễ mọc - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	test	80	
118	BHI broth	- Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Lọ thủy tinh có nắp vặn chặt chứa 3ml môi trường BHI. Dùng để tăng sinh không chọn lọc tất cả các vi khuẩn, ngoại trừ Haemophilus influenzae. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	lọ	100	
119	Môi trường sinh màu định danh nấm Candida	- Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri 90mm. Môi trường sinh màu để nuôi cấy chọn lọc và phân biệt Candida. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO.	Đĩa	10	
120	Đĩa kháng sinh các loại	- Đĩa kháng sinh bao gồm các loại đĩa giấy được tẩm kháng sinh với nồng độ theo quy định dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Đĩa	4.100	
121	Blood Agar Base + 5% Sheep Blood	- Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Môi trường thạch máu chuẩn bị sẵn, chứa trong đĩa petri 90mm và dùng để nuôi cấy và phân biệt các kiểu tiêu huyết. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	đĩa	50	
122	Thạch Chocolate có bổ sung chất tăng trưởng	- Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri 90mm. Môi trường nuôi cấy không chọn lọc, được dùng phân lập vi khuẩn khó mọc như Neisseria và Haemophilus - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO.	đĩa	350	
123	Môi trường nuôi cấy - Mueller Hinton Agar	- Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri 90mm. Môi trường được sử dụng trong xét nghiệm kháng sinh đồ để xác định độ nhạy cảm của vi khuẩn dễ mọc với kháng sinh. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	đĩa	40	

PHỤ LỤC II

MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Thư mời chào giá số /TB-BVNĐĐN ngày tháng 11 năm 2026 của Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai)

TÊN ĐƠN VỊ: ……

ĐỊA CHỈ: …… ĐIỆN THOẠI: …… EMAIL: ……

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai

Theo Thư mời chào giá số ……/TB-BVNĐĐN ngày …/11/2026 của Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai, đơn vị chúng tôi báo giá như sau:

TT	STT theo danh mục	Tên hàng hóa (theo danh mục)	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Hãng, nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Thông số kỹ thuật của hàng hóa chào	Số lưu hành/ số đăng ký/ số phân loại	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1												
2												
3												
Tổng cộng												

- Đơn giá đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có), chi phí vận chuyển, giao hàng tại kho của Bệnh viện và các chi phí khác có liên quan.

- Báo giá này có hiệu lực …… ngày, kể từ ngày …/…/2026.

Đơn vị …… cam kết hàng hóa chào đáp ứng yêu cầu nêu tại Thư mời chào giá; giá chào không cao hơn giá bán cho các cơ sở y tế khác tại cùng thời điểm và cùng điều kiện cung cấp; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin trong báo giá này.

……, ngày …… tháng …… năm ……

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)